

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9- 2019
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Ông Phùng Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thang Mai H, sinh năm 1978. Có mặt

Bị đơn: Chị Đan Thị Thu T, sinh năm 1987. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn N, xã B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Thang Mai H trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đan Thị Thu T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 27/9/2006. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại xã B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì đến khoảng 03 năm gần đây vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo anh H là do chị T thường xuyên chơi game trên điện thoại thâu đêm, không chăm lo đến gia đình, con cái, anh H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đan Thị Thu T.

Về nuôi con chung: Giữa anh và chị Đan Thị Thu T có hai con chung là Thang Gia P sinh ngày 11/6/2009 và Thang Tiến Đ sinh ngày 03/10/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Thang Gia P cũng có đơn nguyện vọng được ở với bố. Anh xác định đủ các điều kiện để nuôi con, hiện nay anh đang làm lao động tự do tại nhà với nghề cắt tóc và làm quảng cáo với thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Đan Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Về việc kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh H đúng như anh H trình bày. Vợ chồng chung sống được khoảng 2 năm đầu hoà thuận, hạnh phúc; Sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H ham mê cờ bạc, thường xuyên về nhà đánh đập chị. Khoảng 3 năm gần đây, vợ chồng độc lập về kinh tế, không còn quan tâm đến nhau. Anh H xin ly hôn, chị nhất trí.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh H có hai con chung đúng như anh H trình bày. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Thang Tiến Đ sinh ngày 03/10/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; giao con là Thang Gia P sinh ngày 11/6/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Phong, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về khả năng kinh tế và điều kiện nuôi dạy con hiện chị đang bán hàng mỹ phẩm tại nhà và bán hàng trên mạng đủ khả năng về kinh tế, chỗ ở để nuôi con và có thời gian để chăm sóc con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Thang Gia P thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đan Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về hôn nhân: Anh Thang Mai H và chị Đan Thị Thu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 27/9/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều xác định vợ, chồng có mâu thuẫn, khoảng 3 năm trở lại đây vợ chồng đã độc lập về kinh tế không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng đã tự hòa giải để khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và thống nhất ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã thực sự

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Thang Mai H là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Thang Mai H được ly hôn chị Đan Thị Thu T.

[3] Về nuôi con chung: Anh Thang Mai H và chị Đan Thị Thu T có hai con chung là Thang Gia P sinh ngày 11/6/2009 và Thang Tiến Đ sinh ngày 03/10/2013, anh H có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đan Thị Thu T có nguyện vọng được nuôi con là Thang Tiến Đ sinh ngày 03/10/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hoà giải nhiều lần nhưng anh, chị không thoả thuận được người trực tiếp nuôi con. Xét thấy nguyện vọng về nuôi con chung của anh H và chị T là chính đáng, anh chị đều có nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự giao nộp cho Tòa án thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả anh H và chị T đều là lao động tự do tại địa phương, có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện về kinh tế, chỗ ở để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Vì vậy, cần giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với các quy định của pháp luật. Xét cháu Thang Tiến Đ còn nhỏ, vừa mới bước vào lớp một nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn để cháu ổn định tâm lý trong việc sinh hoạt và học tập nên cần giao cháu Thang Tiến Đ cho chị Đan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cháu Thang Gia P có nguyện vọng là muốn được ở với bố và anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu nên để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và học tập của cháu cần giao cháu Thang Gia P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh Thang Mai H và chị Đan Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Thang Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Thang Mai H được ly hôn chị Đan Thị Thu T

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Thang Gia P, sinh ngày 11/6/2009 cho anh Thang Mai H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Thang Tiến Đ, sinh ngày 03/10/2013 cho chị Đan Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Thang Mai H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002846 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận anh H đã nộp đủ).

Anh Thang Mai H và chị Đan Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Yên Bình;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Đào

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã B ;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Công an Yên Bình;
- THA DS huyện Yên Bình;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Bị cáo (01); bị hại, (1),
- Lưu HS, TA (2)

Đỗ Thị Thanh

